

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TRƯỜNG THPT DƯƠNG VĂN DƯƠNG

Số: 55 /QĐ-DVD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2023
của trường THPT Dương Văn Dương**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyền hạn của Hiệu trưởng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Công bố công khai Quyết toán thu – chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2023 của Trường THPT Dương Văn Dương (theo biểu đính kèm).
- Điều 2.** Hình thức công khai: công bố dán công khai ở phòng Hội đồng 90 ngày.
- Điều 3.** Các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CTCD
- KT (để thực hiện)
- TBTTND (để giám sát)
- Lưu VT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường THPT Dương Văn Dương
Chương: 494

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-THPT.DVD ngày 15 / 3 /2024 của Trường THPT Dương Văn Dương

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	8.515.900.633	8.510.508.785	0	0	0
1	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0	0
1.1	Lệ phí		0			
1.2	Phí		0			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	305.391.848	300.000.000	0	0	0
2.1	Căn tin, bãi xe	300.000.000	300.000.000			
2.2	Tiền lãi ngân hàng	5.391.848	5.391.848			
3	Thu sự nghiệp khác	8.210.508.785	8.210.508.785	0	0	0
3.1	Học phí công lập	2.983.600.000	2.983.600.000			
3.2	Tổ chức dạy 2 buổi/ngày	3.844.697.086	3.844.697.086			
3.3	Tổ chức phục vụ và quản lý bán trú	1.019.093.895	1.019.093.895			
3.4	Thiết bị vật dụng bán trú	124.493.000	124.493.000			
3.5	Vệ sinh bán trú	171.613.804	171.613.804			
3.6	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	67.011.000	67.011.000			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8.515.900.633	8.515.900.633	1.303.088.903	0	1.686.166.352
I	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0	0
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
1.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0			

STT	Nội dung	Số liệu báo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	305.391.848	305.391.848	109.648.903		164.473.353
3	Hoạt động sự nghiệp khác	8.210.508.785	8.210.508.785	1.193.440.000		1.521.692.999
C	Số thu nộp NSNN	0	0	0	0	0
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0	0	0
1.1	Lệ phí		0			
1.2	Phí		0			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		0			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		0			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	19.776.384.093	19.776.384.093	6.860.478.782	498.392.316	2.525.449.704
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0			
2	Chi nghiên cứu khoa học	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		0			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		0			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.776.384.093	19.776.384.093	6.860.478.782	498.392.316	2.525.449.704
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.618.482.451	11.618.482.451	6.304.968.736		2.525.449.704
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.157.901.642	8.157.901.642	555.510.046	498.392.316	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			

STT	Nội dung	Số liệu báo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quý lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0			
11	Chi chương trình mục tiêu					
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi chương trình mục tiêu					

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Hồ Phong

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ngày công khai: 15 / 3 / 2024 tại Phòng Hội đồng
Từ ngày 15 / 3 / 2024 đến ngày 15 / 6 / 2024. Niêm yết tại phòng Hội đồng

Ký xác nhận

- 1/. Trưởng ban TTND : Bà Lê Thị Quyền
- 2/. Chủ tịch Công đoàn : Bà Võ Thị Hoàng Yến

